**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MIMH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1049/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/10/2018
V/v: "Ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Hiếu

***Các Hội thẩm nhân dân :***

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Ngọc Tuyền - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/QĐST-HNGĐ ngày 05/10/2018, giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1983 (Đương sự vắng mặt)

Địa chỉ: đường Đ, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1988 (Đương sự vắng mặt)

Địa chỉ: đường P, Phường Y, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và được nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Mỹ P và ông Lê Minh T chung sống từ năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân phường Z, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08/5/2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 61, quyển số: 01/2013. Trong quá trình chung sống phát

sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nay tại Tòa án bà P yêu cầu được ly hôn với ông T vì hôn nhân không mang lại hạnh phúc.

Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ P và ông Lê Minh T chung sống có 01 người con chung tên Lê Minh D sinh ngày 13/3/2013, bà P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P xác định bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn: Ông Lê Minh T vắng mặt nên Tòa án không thu được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

- Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định :

Xét đơn khởi kiện của Bà Trần Thị Mỹ P Hội đồng xét xử nhận định: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại Quận 8. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy bà Trần Thị Mỹ P và ông Lê Minh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét đơn xin giải quyết vắng mặt của bà Trần Thị Mỹ P ngày 28/6/2018. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt theo yêu cầu của các đương sự.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa 02 lần theo luật định nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với đương sự.

Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T vì mâu thuẫn gia đình trầm trọng, hôn nhân không mang lại hạnh phúc.

Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ P và ông Lê Minh T chung sống có 01 người con chung tên Lê Minh D sinh ngày 13/3/2013, bà P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung.

Xét tình trạng hôn nhân giữa các đương sự và mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Mỹ P đối với ông Lê Minh T.

1.1 Về con chung: Giao bà bà Trần Thị Mỹ P trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh D sinh ngày 13/3/2013, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà P không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.2 Về tài sản chung: Đương sự xác định không có tài sản chung.

1.3 Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà P phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: 0014155 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Nơi nhận :**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục thi hành án dân sự Q.8;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- LưuVP, hồ sơ.

**Trần Ngọc Hiếu**